

**PHỤ LỤC TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG  
GIAI ĐOẠN 2021-2025 (LẦN 2)**

(Kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27 tháng 05 năm 2022 của Hội đồng  
nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Tổng số dự án	TMĐT	Ghi chú
1	Lĩnh vực y tế	15	378.310	
2	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, khoa học công nghệ	6	234.740	
3	Lĩnh vực thủy lợi, nước sạch VSMT	11	188.190	
4	Lĩnh vực giao thông	44	1.042.750	
5	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật	8	202.320	
6	Lĩnh vực Du lịch	3	57.720	
7	Lĩnh vực khác	7	100.400	
8	Hỗ trợ xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở		80.000	Phân bổ chi tiết sau
9	Đầu tư khắc phục, thích ứng các khu vực ngập lụt		80.000	
10	Dự phòng		65.745	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>94</b>	<b>2.430.175</b>	

*Handwritten signature*



**PHỤ LỤC 1: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27 tháng 05 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH 2021- 2025	Điều chỉnh		KH vốn năm 2021-2025 điều chỉnh	Ghi chú
					Số QĐ; ngày tháng năm ban hành	TMĐT			Giảm (-)	Tăng (+)		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
	<b>TỔNG SỐ</b>					2.462.575	2.462.575	2.460.175	47.600	47.600	2.460.175	
	Nguồn đầu tư công ngân sách tỉnh năm 2021-2025 tại Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021					2.462.575	2.462.575	2.460.175	47.600			
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc UBND tỉnh (tại Phụ lục 6 Nghị quyết)	Đồng Hới	2022	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	80.000	80.000	77.600	47.600		30.000	
2	Các nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sẽ phân bổ sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư (Phụ lục 7 Nghị quyết)	Toàn tỉnh				2.382.575	2.382.575	2.382.575		47.600	2.430.175	

*Handwritten signature*



## PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 LĨNH VỰC Y TẾ

(Kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27 tháng 05 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh)



ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số		Trong đó: NS tỉnh
<b>Tổng cộng</b>						<b>546.600</b>	<b>396.600</b>	<b>378.310</b>
1	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh (cơ sở 2)	Quảng Ninh	2023	2025		120.000	120.000	116.400
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC)	Đông Hới	2023	2025		220.000	70.000	67.900
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Quảng Bình	Đông Hới	2022	2023		3.000	3.000	2.910
4	Xây dựng mới nhà cận lâm sàng phòng khám đa khoa Khu vực Hóa Tiến, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025		6.000	6.000	5.820
5	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2024		6.000	6.000	5.820
6	Đầu tư xây dựng Khu kỹ thuật và điều trị liên chuyên khoa, bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		50.000	50.000	48.500
7	Đầu tư Xây dựng khuôn viên hạ tầng kỹ thuật, khu khám và điều trị phòng khám đa khoa khu vực Thanh Lạng, xã Thanh Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		6.000	6.000	5.820
8	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Tuyên hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		22.000	22.000	21.340
9	Cải tạo, nâng cấp các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2024		11.000	11.000	10.670
10	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025		22.000	22.000	21.340
11	Nhà điều trị và hạ tầng kỹ thuật Bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2020	2022		11.000	11.000	4.270
12	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025		15.500	15.500	15.040
13	Cải tạo nâng cấp Trung tâm và các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế thành phố Đông Hới	Đông Hới	2023	2024		7.000	7.000	6.790
14	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025		15.100	15.100	14.650
15	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		32.000	32.000	31.040

*Uluu*



**PHỤ LỤC 3: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN LĨNH VỰC  
VĂN HÓA, THỂ THAO, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

(Kèm theo Nghị quyết số **59**/NQ-HĐND ngày **27** tháng 05 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số		Trong đó: NS tỉnh
<b>Tổng cộng</b>						<b>242.000</b>	<b>234.740</b>	
1	Bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn bảo vệ cảnh quan môi trường cho di tích khảo cổ Bàu Tró	Đồng Hới	2023	2025		50.000	50.000	48.500
2	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		75.000	75.000	72.750
3	Nhà thi đấu đa năng và các công trình phụ trợ, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025		75.000	75.000	72.750
4	Sân vận động trung tâm huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025		25.000	25.000	24.250
5	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Sở Khoa học công nghệ	Đồng Hới	2022	2023		7.000	7.000	6.790
6	Đầu tư hệ thống Trung tâm chuẩn, thiết bị đo lường, thử nghiệm	Đồng Hới	2023	2025		10.000	10.000	9.700

*new*



**PHỤ LỤC 4: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN  
LĨNH VỰC THUY LỢI, NƯỚC SẠCH VSMT**

(Kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27 tháng 05 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025		
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư			
						Tổng số		Trong đó: NS tỉnh	
<b>Tổng cộng</b>							<b>194.000</b>	<b>194.000</b>	<b>188.190</b>
1	Xây dựng hệ thống kênh mương và hệ thống đập tràn hồ chứa nước Tróoc Trâu (Giai đoạn 2)	Quảng Ninh	2023	2025			28.000	28.000	27.160
2	Kè chống sạt lở đồi núi Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa (giai đoạn 1)	Minh Hóa	2023	2025			17.500	17.500	16.980
3	Xây dựng Kè biển Hải Trạch, xã Hải Phú	Bố Trạch	2023	2025			20.000	20.000	19.400
4	Xây dựng kè chống sạt lở các xã Hiền Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	2023	2025			18.000	18.000	17.460
5	Xây dựng Hồ Khe Luốc và Kè Tam Hương, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025			15.000	15.000	14.550
6	Xây dựng, nạo vét và gia cố kênh thoát lũ từ cầu Mệ Sói đến thôn Rẫy Cau (Đoạn từ Cầu Rẫy Cau đến đường Nguyễn Đóa)	Đồng Hới	2023	2025			15.000	15.000	14.550
7	Tuyến mương thoát lũ, đường và kè khu vực Đồng Láng xã Hải Phú, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025			15.000	15.000	14.550
8	Nâng cấp, mở rộng công trình nước sạch nông thôn	các huyện	2023	2025			23.000	23.000	22.310
9	Kè chống sạt lở bờ suối xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025			17.500	17.500	16.980
10	Xây dựng Kênh tưới Nguyệt Áng - Thế Lộc - Tân Thành, xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025			10.000	10.000	9.700
11	Kè chống sạt lở bờ suối tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025			15.000	15.000	14.550

*Handwritten signature*



**PHỤ LỤC 5: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN  
LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Kèm theo Nghị quyết số **29**/NQ-HĐND ngày **27**. tháng 05 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>1.120.000</b>	<b>1.100.000</b>	<b>1.042.750</b>
1	Nâng cấp tuyến Đường tỉnh 562 đoạn Km17+200 - Km41+200	Bố Trạch	2023	2025		120.000	120.000	116.400
2	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường hai đầu cầu Cồn Nâm xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025		20.000	20.000	19.400
3	Đường giao thông từ thị trấn Đồng Lê đi xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		20.000	20.000	19.400
4	Đầu tư xây dựng đường nối từ trục N2 đi các xã phía Bắc và kết nối với trục B2 trước nhà máy may, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025		40.000	40.000	38.800
5	Tuyến đường từ ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt đi tổ dân phố 2, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025		22.000	22.000	21.340
6	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	2023	2025		28.000	28.000	27.160
7	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Sơn Thủy, Hoa Thủy, Thị trấn Nông trường Lệ Ninh	Lệ Thủy	2023	2025		34.000	34.000	32.980
8	Cầu thôn Ba Đa, xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2025		28.000	28.000	27.160
9	Hoàn thiện các tuyến đường giao thông nội thị tại thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025		40.000	40.000	38.800

*Handwritten signature*



TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số		Trong đó: NS tỉnh
10	Đầu tư xây dựng đường Triệu Quang Phục, TP Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2025		30.000	30.000	29.100
11	Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài, đoạn từ ngã tư Võ Nguyên Giáp đi quốc lộ 1A, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025		27.000	27.000	26.190
12	Đầu tư xây dựng hạ tầng tuyến đường từ chợ Quảng Lưu đi Trung tâm xã Quảng Thạch kết nối tỉnh lộ 22	Quảng Trạch	2023	2025		28.000	28.000	27.160
13	Xây dựng các tuyến đường xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		15.000	15.000	14.550
14	Tuyến đường nối đường Hai Bà Trưng đến trường Mầm non số 1 thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025		20.000	20.000	19.400
15	Tuyến đường liên xã Hải Phú đi Sơn Lộc (đoạn từ Sơn Lộc đi ngã ba Thọ Lộc)	Bố Trạch	2023	2025		19.000	19.000	18.430
16	Tuyến đường kết nối trung tâm Thị xã Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch	Ba Đồn	2023	2025		27.000	27.000	26.190
17	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025		16.000	16.000	15.520
18	Xây dựng tuyến đường giao thông từ xã Phúc Trạch đi các xã Lâm Trạch và Liên Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025		15.000	15.000	14.550
19	Đầu tư xây dựng đường giao thông liên xã Lê Hóa - Kim Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		30.000	30.000	29.100
20	Tuyến đường giao thông xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025		15.000	15.000	14.550
21	Đường giao thông liên xã từ Hoàn Lão đến đi Tây Trạch	Bố Trạch	2023	2025		20.000	20.000	19.400
22	Đường liên xã Quảng Tiên đi Quảng Trung, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025		15.000	15.000	14.550
23	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Trường Thủy, Thái Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		30.000	30.000	29.100
24	Đầu tư xây dựng các tuyến đường tại xã Quảng Lưu và xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025		15.000	15.000	14.550
25	Đầu tư các tuyến đường trên địa bàn xã Phong Hóa và Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		24.000	24.000	23.280
26	Xây dựng đường liên xã Dinh Mười đi Tân Định	Quảng Ninh	2023	2025		15.000	15.000	14.550



TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
27	Đường nối từ Trung tâm giáo dục dạy nghề đi thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		20.000	20.000	19.400
28	Cầu vượt lũ Tân Lý, xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025		20.000	20.000	19.400
29	Tuyến đường từ Trung tâm xã Tây Trạch đi đường Hồ Chí Minh, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025		15.000	15.000	14.550
30	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ trung tâm huyện đi các xã phía Đông Bắc huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025		25.000	15.000	14.550
31	Đầu tư xây dựng đường từ phường Quảng Thọ đến Trạm biên phòng Cảng Gianh phường Quảng Phúc	Ba Đồn	2023	2025		37.000	37.000	35.890
32	Xây dựng tuyến đường từ cầu Hói Cừa, xã An Thủy đi phía tây huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		17.000	17.000	16.490
33	Tuyến đường giao thông đường Võ Thị Sáu, Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025		15.000	15.000	14.550
34	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025		22.000	22.000	21.340
35	Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		15.000	15.000	14.550
36	Đầu tư xây dựng tuyến đường xã Yên Hóa	Minh Hóa	2023	2025		22.000	22.000	21.340
37	Xây dựng tuyến đường 30 nối QL1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Lệ Thủy	2023	2025		28.000	28.000	27.160
38	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cầu kết hợp đường 2 đầu cầu qua thôn Minh Tiến, xã Quảng Minh	Ba Đồn	2024	2026		55.000	45.000	19.400
39	Xây dựng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn các xã phía nam huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		15.000	15.000	14.550
40	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã An Ninh, Vạn Ninh, Tân Ninh, Xuân Ninh	Quảng Ninh	2023	2025		23.000	23.000	22.310
41	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối Đường Hồ Chí Minh vào trung tâm Thị trấn Nông Trường Việt Trung	Bố Trạch	2023	2025		15.000	15.000	14.550
42	Đường nối từ Hà Nam vào Trung tâm xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		15.000	15.000	14.550
43	Tuyến đường từ cầu Ngâm Rinh - Thanh Liêm, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025		15.000	15.000	14.550
44	Xây dựng Cầu và đường hai đầu cầu Trường Sơn thuộc tuyến đường Trường Xuân - Trường Sơn	Quảng Ninh	2023	2025		33.000	33.000	32.010

*Handwritten signature*





**PHỤ LỤC 6: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

(Kèm theo Nghị quyết số **59**/NQ-HĐND ngày **27** tháng 05 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
	<b>Tổng cộng</b>					<b>224.575</b>	<b>208.575</b>	<b>202.320</b>
1	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật từ thị trấn Đồng Lê đi xã Sơn Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		25.000	25.000	24.250
2	Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải tại trung tâm huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	Quảng Trạch	2023	2025		28.000	28.000	27.160
3	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		10.000	10.000	9.700
4	Chỉnh trang đô thị đoạn tuyến Quốc lộ 1 thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024		36.000	20.000	19.400
5	Hệ thống trang trí đèn LED dọc sông Nhật Lệ (Đoạn từ thôn Mỹ Cảnh đến thôn Hà Thôn, xã Bảo Ninh)	Đồng Hới	2023	2025		15.000	15.000	14.550
6	Xây dựng khu tái định cư di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bởi nhà máy xi măng Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025		9.000	9.000	8.730
7	Chỉnh trang đô thị đường Trương Pháp	Đồng Hới	2023	2025		36.575	36.575	35.480
8	Xây dựng hạ tầng và đường giao thông kết nối Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025		65.000	65.000	63.050

*Handwritten signature*



**PHỤ LỤC 7: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN  
LĨNH VỰC DU LỊCH**



(Kèm theo Nghị quyết số **59**/NQ-HĐND ngày **27** tháng 05 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
<b>Tổng cộng</b>					<b>0</b>	<b>79.500</b>	<b>59.500</b>	<b>57.720</b>
1	Xây dựng Trung tâm thông tin và hỗ trợ khách Du lịch tại Phong Nha Kẻ Bàng	Bố Trạch	2023	2025		12.500	12.500	12.130
2	Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025		45.000	25.000	24.250
3	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Lương Ninh, Vĩnh Ninh và Trường Xuân	Quảng Ninh	2023	2025		22.000	22.000	21.340

*Nelle*



## PHỤ LỤC 8: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN LĨNH VỰC KHÁC

(Kèm theo Nghị quyết số 59 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 05 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số		Trong đó: NS tỉnh
<b>Tổng cộng</b>						<b>103.500</b>	<b>100.400</b>	
1	Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2023	2025		25.000	25.000	24.250
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực cho Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong	Lệ Thủy	2023	2025		20.000	20.000	19.400
3	Xây dựng khu tạm lánh, nhà ăn cho đối tượng người lang thang cơ nhỡ	Đồng Hới	2023	2025		7.000	7.000	6.790
4	Cầu kiểm soát Cửa Sông Gianh	Ba Đồn	2023	2025		15.000	15.000	14.550
5	Xây dựng phòng học bộ môn Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp (Giai đoạn 2)	Đồng Hới	2023	2025		9.000	9.000	8.730
6	Xây dựng Ký túc xá sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình	Đồng Hới	2023	2025		12.500	12.500	12.130
7	Xây dựng Trụ sở xã Ngu Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		15.000	15.000	14.550

*(Chữ ký)*